

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK14+BK5+PPD	7:25	21+0+0	0+0+0		15+2+5	0+0+0	
2		TD3+TD5	7:25	7+12	0+0		3+19	0+0	
3		TD3+BK9	7:25	15+5	0+0		16+6	0+0	
4		BK16+P1+CTK3	9:25	0+0+14	0+0+0		2+0+20	0+0+0	chuyen 5 bk16 p1, chuyen 1 bk16-ctk3
5		CTK3+CNV+AMD	9:25	15+7+0	0+0+0		10+7+5	0+0+0	
6		P8+P11+BK20	11:25	10+0+5	0+0+0		9+3+10	0+0+0	
7		CTK3+CLO+TD5	11:25	7+3+8	0+0+0		0+0+22	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2025	TO: BK14 - BK5 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LHM - NPH - HTNAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐANG HOANG ANH	BK14	88-89	2	10			86	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN PHUC PHUONG	BK14	87	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
3	LE ANH TUAN (17373)	BK14	82	1	5			91	KH-THAC	Vietnamese
4	DOAN QUANG TUAN	BK14	74	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG NGUYEN	BK14	83-84	2	15	1	10	83	KH-THAC	Vietnamese
6	LE MINH DUC	BK14	69-70	2	20			80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN THIN	BK14	75	1	16			76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HONG MINH	BK14	73	1	20			96	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NHAN KHANH	BK14	71	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
10	LUONG HOANG ANH	BK14	79	1	14			89	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI MINH HAI	BK14	80	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH LUAN	BK14	86	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN KHAC THANG	BK14	81	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
14	VU VIET HUAN	BK14	78	1	14			73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN VAN TUYET	BK14	92	1	13			76	DVL	Vietnamese
16	LE DUY HUYNH	BK14	76-77	2	19			67	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN DUC PHUNG	BK14	95-96	2	21			65	DVL	Vietnamese
18	PHAM VAN DAM	BK14	67-68	2	12			70	DVL	Vietnamese
19	PHAM VAN CUONG	BK14	90-91	2	19			85	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN THIEU BINH	BK14	93-94	2	22			59	DVL	Vietnamese
21	LE DAC NHA	BK14	72	1	5			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	21	1.576	29	265	1	10	17		
2	BK5	0	0	0	0	0	0	2		
3	PPD	0	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		21	1.576	29	265	1	10	22		
WEIGHT KG			1.576		265		10			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2025	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHANG - MTHAO -	ETA: 09:20
XANH-1		TOAN	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	SUSTAVOV V.S.	TD3	62	1	9			90	D-HANH	Russian
2	ARUSHANOV SERGEI	TD3	59	1	18	1	18	118	KHOAN	Russian
3	GUSEINOV MAXIM	TD3	55	1	8			82	KHOAN	Russian
4	LUU VAN SON	TD3	56-57	2	5			63	KHOAN	Vietnamese
5	DO THANH HAI	TD3	20	1	7			102	KHOAN	Vietnamese
6	BUI HUU VUNG	TD3	60-61	2	12			92	KHOAN	Vietnamese
7	NGO VAN KIEM	TD3	58	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
8	DAVYDOV DANIL	TD5	08	1	8			68	KHOAN	Russian
9	NGUYEN XUAN THE	TD5	49	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
10	DINH VAN SU	TD5						82	KHOAN	Vietnamese
11	MAI TRUONG TRUNG	TD5	07	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
12	CHUSH MAKSIM	TD5	09	1	4			98	KHOAN	Russian
13	VY HUNG CUONG	TD5	03-04	2	8			74	KHOAN	Vietnamese
14	LE XUAN QUY	TD5	05-06	2	14	2	100	75	YTE	Vietnamese
15	HA VAN PHUC	TD5	10	1	7	2	30	76	KHOAN	Vietnamese
16	GONCHAROV SERGEY	TD5	50	1	12			98	KHOAN	Russian
17	NGUYEN VAN BINH	TD5	02	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
18	LUU VAN PHONG	TD5						70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	7	610	9	62	1	18	3		CHUYEN 20KG HANG TU TD3 SANG TD5
2	TD5	11	846	11	66	4	130	19		
TOTAL		18	1.456	20	128	5	148	22		
WEIGHT KG			1.456		128		148			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2025	TO: TD3 - BK9	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HÙNG - SON - DTÙNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM TRƯỜNG ANH	TD3	15-16	2	8			92	KHOAN	Vietnamese
2	VU TOAN THANG	TD3	23	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THONG	TD3	93-94	2	19			62	SLB	Vietnamese
4	PHAN HAI NAM	TD3						68	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN MINH THANG	TD3	17	1	8			129	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM TIEN CHUNG	TD3	95	1	3			94	KHOAN	Vietnamese
7	ĐANG ĐÌNH PHUC	TD3	78	1	5	4	55	91	KHOAN	Vietnamese
8	NGO DUY NGOC	TD3	96	1	15			60	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN PHI HUNG	TD3	89	1	6	1	4	77	KHOAN	Vietnamese
10	LE NGOC LUAN	TD3	88	1	12			67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN ĐONG	TD3	19	1	12			63	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO NGUYEN GIAP	TD3	21-22	2	11			79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HOANG LONG	TD3	91	1	10	1	14	67	DVL	Vietnamese
14	ĐO THANH HAI	TD3	18	1	10			68	DVL	Vietnamese
15	ĐO XUAN CHINH	TD3	85,87	2	10			67	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG MANH	BK9	31	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
17	VU THE HAU	BK9	33	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
18	LE TRUONG AN	BK9	32	1	7	1	20	82	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN TRUNG KIEN	BK9	34	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TRUNG (1975)	BK9	30	1	10			85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	15	1.161	18	137	6	73	16		+40 KG HANG VE VT
2	BK9	5	372	5	35	1	20	6		
	TOTAL	20	1.533	23	172	7	93	22		
	WEIGHT KG		1.533		172		93			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2025	TO: BK16 - P1 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VTHANG - MTHAO -	ETA: 11:40
XANH-2		TOAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN THANG	BK16	43-44	2	16			65	XAYLAP	Vietnamese
2	TO QUOC TUAN	BK16	45	1	13			58	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN THAI THANH	BK16	46-47	2	19			66	XAYLAP	Vietnamese
4	MAKSIMOV D.S.	CTK3	71	1	9	1	58	122	KH-THAC	Russian
5	CAO VAN DAU	CTK3	74	1	4	1	100	74	KH-THAC	Vietnamese
6	VU XUAN TRUC	CTK3	72	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ĐỨC HÙNG	CTK3	64	1	7			47	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	79	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI TIEN DUNG	CTK3	75	1	10			69	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH NHO HOANG	CTK3	67	1	8			91	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VAN DOANH	CTK3	76	1	12			61	YTE	Vietnamese
12	BUI VAN BAC	CTK3	73	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG QUỐC BAO	CTK3	68-69	2	7			58	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	70	1	4			49	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC HAI	CTK3	65-66	2	15			95	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	77	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	78	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK16	3	189	5	48	0	0	2+		CHUYEN 5 PAX BK16-P1, 1 PAX BK16-CTK3
2	P1	0	0	0	0	0	0	0		
3	CTK3	14	985	16	103	2	158	20		
TOTAL		17	1.174	21	151	2	158	22		
WEIGHT KG			1.174		151		158			

GRAND TOAL: 1.483 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2025	TO: CTK3 - CNV - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - DTUNG	ETA: 11:45
Carb - 2.			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3	12	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MẠNH PHUC	CTK3	13	1	5			49	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG PHUONG NAM	CTK3	18	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU THAI ANH	CTK3	08-09	2	16			81	KH-THAC	Vietnamese
5	LE CONG AN	CTK3						69	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	15	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VIET HUNG	CTK3	11	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TRI NANG	CTK3	23	1	6			78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	16	1	5	1	22	69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NAM	CTK3	10	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
11	VU QUANG HAI	CTK3	19	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG HIEN	CTK3	17	1	3			65	HVJOC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET MINH HOANG	CTK3	24	1	7			88	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG TAN NGHIA	CTK3	21-22	2	8			66	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG THANG	CTK3	20	1	7			60	PSV	Vietnamese
16	ĐANG ĐỨC HẠNH	CNV	27-29	3	15			65	KH-THAC	Vietnamese
17	LE MINH HIEU	CNV	25-26	2	14			72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VU HOANG	CNV	21	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐANG QUANG HUY	CNV	23-24	2	16			65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẠO ĐỨC THẮNG	CNV	34	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
21	PHUNG VAN KHANH	CNV	20	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN THAO	CNV	22	1	5	6	110	74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	W				
1	CTK3	15	1.039	16	97	1	22	10	
2	CNV	7	496	11	71	6	110	7	
3	AMD	0	0	0	0	1	15	5	
TOTAL		22	1.535	27	168	8	147	22	
WEIGHT KG			1.535		168		147		

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2025	TO: P8 - P11 - BK20	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VTHANG - MTHAO -	ETA: 14:00
TRANG-3		TOAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN NAM HUY	P8	51-52	2	14			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN BA THANH	P8	96	1	10	1	12	70	XAYLAP	Vietnamese
3	HA MANH CUONG	P8	53	1	10	1	13	65	XAYLAP	Vietnamese
4	LE DINH NINH	P8	01-02	2	16			72	XAYLAP	Vietnamese
5	LE DANG TIEN	P8	200	1	14	4	65	62	XAYLAP	Vietnamese
6	VO THANH BINH	P8	98	1	19			56	XAYLAP	Vietnamese
7	TRINH DINH THANH	P8	55	1	10	1	14	54	XAYLAP	Vietnamese
8	DINH VAN TUNG	P8	99	1	10	1	13	56	XAYLAP	Vietnamese
9	LE NGOC KY	P8	47-48	2	20			54	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THANG	P8	149-150	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
11	DINH VAN SON	BK20	26	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG DU KHANH	BK20	25	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THE HUY	BK20	24	1	10	2	35	81	CODIEN	Vietnamese
14	BUI QUOC DUONG	BK20	22	1	7			54	PSV	Vietnamese
15	PHAN VAN HOA	BK20	23	1	7			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	10	629	14	143	8	117	9		
2	P11	0	0	0	0	0	0	3		
3	BK20	5	349	5	44	2	35	5		
	TOTAL	15	978	19	187	10	152	17		
	WEIGHT KG		978		187		152			

GRAND TOAL: 1.317 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/04/2025	TO: CTK3 - CLO - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - SON - DTUNG	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE DUY HAI	CTK3	03	1	3			75	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN HUY HIEU	CTK3	04	1	2			60	PSV	Vietnamese
3	HOANG NGOC SANG	CTK3	05	1	10			54	KH-THAC	Vietnamese
4	LE TRONG DUNG	CTK3	07	1	8			64	CODIEN	Vietnamese
5	ĐINH VAN HOANG	CTK3	01-02	2	23			96	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN QUANG	CTK3	06	1	8			71	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN MANH TUNG TAI	CTK3	900	1	10	7	77	71	CODIEN	Vietnamese
8	QUACH THE ANH	CLO	37	1	13			69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THUAN	CLO	35-36	2	17	4	50	69	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH CHI CONG	CLO	33-34	2	16			62	KHOAN	Vietnamese
11	VO SI HOAI THANH	TD5	15	1	6			62	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG THAI	TD5	17	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
13	VUONG HUU QUOC THAI	TD5	24-25	2	14			77	KHOAN	Vietnamese
14	TO TUAN DUY	TD5	16	1	15			107	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN TRUONG THIEN	TD5	22-23	2	12			80	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC LANG	TD5	18	1	7			64	T-TIN	Vietnamese
17	PHAN VAN LE	TD5	19-20	2	10			72	T-TIN	Vietnamese
18	TRAN TUNG PHONG	TD5	21	1	13			80	VTB	Vietnamese
19	ĐOAN TRUNG KIEN	TD5	26	1	8			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	7	491	8	64	7	77	0		
2	CLO	3	200	5	46	4	50	0		
3	TD5	9	683	12	89	0	0	22		
TOTAL		19	1.374	25	199	11	127	22		
WEIGHT KG			1.374		199		127			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN